TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-9-2025.
V/v "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Văn Thắng.
2/. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về "ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Châu Hoài P, sinh năm 1993 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Long Điền, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
Nay là: ấp Long Điền, phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết B, sinh năm 1991 (có đơn giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nay là: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Châu Hoài P là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20/7/2023 ông và bà Tuyết B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà B đã về nhà mẹ ruột tại ấp C, xã P, huyện C (nay là: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long) ở cho đến nay, ông đã nhiều lần hàn gắn lại với nhau nhưng không được.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Châu Quốc H, sinh ngày 13/11/2023 hiện đang sống chung với bà B.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: ông xin được ly hôn với bà Trần Thị Tuyết B.

- Về con chung tên: C, sinh ngày 13/11/2023 hiện đang sống chung với bà B, sau khi ly hôn ông đồng ý cho bà B được nuôi dưỡng con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Tuyết B là bị đơn trình bày: Hôn nhân của bà với ông Châu Hoài P là do mai mối đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L năm 2023, nữ trang cưới không còn, sau khi cưới có thai được khoảng 03 tháng bà về sống chung với mẹ ruột cho đến nay, vợ chồng không sống chung từ đó, không thể hàn gắn được, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có chỗ ở, bà B yêu cầu ông P lên sống cùng bà nhưng ông P không đồng ý từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, ông P không chăm sóc cho bà và con. Nay theo yêu cầu của ông P thì bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn cho con chung có đủ cha và đủ mẹ.

Về con chung tên: C, sinh ngày 13/11/2023 hiện đang sống chung với bà, trường hợp ông P cương quyết ly hôn và giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được quyền nuôi con, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà Trần Thị Tuyết B là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Tuyết B là bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72

Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy đinh tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Hoài P.

- Về hôn nhân: Cho ông Châu Hoài P và bà Trần Thị Tuyết B được ly hôn.

- Về con chung: bà Trần Thị Tuyết B được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Châu Quốc H, sinh ngày 13/11/2023.

ông Châu Hoài P được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc ông Châu Hoài P có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bà Trần Thị Tuyết B là bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của ông Châu Hoài P và bà Trần Thị Tuyết B được xác lập vào năm 2023 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/7/2023 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa ông P và bà B là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông P cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 3 tháng thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà B đã về nhà

mẹ ruột tại ấp C, xã P, huyện C ở cho đến nay, ông đã nhiều lần hàn gắn lại với nhau nhưng không được.

Bà B cho rằng sau khi cưới có thai được khoảng 03 tháng bà về sống chung với mẹ ruột cho đến nay, vợ chồng không sống chung từ đó, không thể hàn gắn được, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có chỗ ở, bà yêu cầu ông P lên sống cùng bà nhưng ông P không đồng ý từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, ông P không chăm sóc cho bà và con. Nay theo yêu cầu của ông P thì bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn cho con chung có đủ cha và đủ mẹ. Nếu trường hợp ông P cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông P cho rằng ông và bà B không còn sống chung từ cuối năm 2023 cho đến nay không hàn gắn được.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa ông P và bà B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông P xin ly hôn với bà B là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cho ông P và bà B được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: C, sinh ngày 13/11/2023 hiện đang sống chung với bà B, khi ly hôn ông P đồng ý cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng con và bà B ý kiến trường hợp ông P cương quyết ly hôn và giải quyết ly hôn thì bà B yêu cầu được quyền nuôi con, xét thấy hiện nay cháu H đang sống chung với bà B, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, xét điều kiện kinh tế của bà B đủ điều kiện nuôi cháu H, từ đó nghĩ nên giao bà B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Châu Quốc H sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Ông Châu Hoài P có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà B chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: ông Châu Hoài P có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[2.6] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Châu Hoài P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Châu Hoài P và bà Trần Thị Tuyết B được ly hôn.

- Về con chung: bà Trần Thị Tuyết B được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Châu Quốc H, sinh ngày 13/11/2023.

ông Châu Hoài P được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: ông Châu Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005102, ngày 13/02/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Vĩnh Long), ông Châu Hoài P đã nộp đủ án phí, bà Trần Thị Tuyết B không phải nộp án phí.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*).

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long.
-VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh